

Số: /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chí đối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo, khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 200/TTr-SKHCN ngày 18 tháng 8 năm 2026 và Báo cáo số 478/BC-KHCN ngày 08 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành quy định về tiêu chí đối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí đối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, hướng dẫn thực hiện Quyết định này; tổ chức đánh giá mức độ đáp ứng về tiêu chí hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

thaidh/QPPL18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

QUY ĐỊNH

Về tiêu chí đối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các bộ chỉ số, tiêu chí và nguyên tắc đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thẩm định, đánh giá và công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

CHƯƠNG II CÁC BỘ CHỈ SỐ

Điều 3. Bộ chỉ số không gian làm việc và kết nối

STT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
1	Diện tích mặt bằng làm việc cho các chức danh của Trung tâm (Không gian bố trí các phòng làm việc cho nhân viên của Trung tâm)	Diện tích mặt bằng làm việc tối thiểu 150 m ² , bảo đảm khả năng bố trí không gian làm việc cho quy mô tối thiểu 15 nhân lực cơ hữu theo yêu cầu đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
2	Diện tích mặt bằng sử dụng cho phòng hội thảo	- Diện tích tối thiểu 100 m ² - Có hệ thống trình chiếu, âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị cần thiết phục vụ hội nghị, hội thảo, đào tạo và kết nối
3	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian tư vấn (Khu làm việc với chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp và các chủ thể khác trong	Có ít nhất 01 không gian hoặc phòng làm việc với chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp và các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

STT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
	hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo)	diện tích tối thiểu 20 m ² , bảo đảm yêu cầu riêng tư và bảo mật thông tin
4	Diện tích mặt bằng sử dụng cho khu làm việc chung	Không gian làm việc chung được bố trí linh hoạt cho cá nhân, nhóm cá nhân và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sử dụng với diện tích phù hợp, đáp ứng tối thiểu 15 chỗ làm việc, diện tích tối thiểu 75 m ² (tương đương 5 m ² /chỗ làm việc)
5	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ	Diện tích tối thiểu 50 m ² , đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ, giải pháp đổi mới sáng tạo; ưu tiên bố trí không gian phục vụ các lĩnh vực công nghệ và sản phẩm chủ lực được địa phương ưu tiên phát triển
6	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian ươm tạo	Diện tích tối thiểu 100 m ² , có khả năng bố trí không gian làm việc đồng thời cho tối thiểu 05 dự án, nhóm khởi nghiệp hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo
7	Diện tích mặt bằng khác	Khuyến khích bố trí theo nhu cầu thực tế

Điều 4. Bộ chỉ số về hạ tầng số và dữ liệu

TT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
1	Kết nối Internet tốc độ cao	≥ 1 Gbps
2	Hệ thống mạng kết nối thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm	Có hệ thống mạng (LAN/WAN) được thiết lập đồng bộ, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và vận hành hoạt động của Trung tâm; bảo đảm phân vùng mạng phù hợp giữa hệ thống quản trị nội bộ và khu vực sử dụng chung nhằm đáp ứng yêu cầu an ninh mạng theo quy định
3	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Tổng dung lượng lưu trữ khả dụng ≥ 20 TB; có máy chủ hoặc dịch vụ lưu trữ đám mây
4	Triển khai cơ sở dữ liệu phục vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	

TT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
a	Cơ sở dữ liệu về chuyên gia, công nghệ, sáng chế,...	Có khả năng kết nối, truy cập hoặc khai thác các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế liên quan đến chuyên gia, công nghệ, sở hữu trí tuệ, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu nhằm phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm; cho phép doanh nghiệp tra cứu nhanh tình trạng bảo hộ của các giải pháp kỹ thuật trong và ngoài nước
b	Cơ sở dữ liệu tư liệu, tài liệu chuyên môn	Có kho dữ liệu số hoặc có quyền truy cập, khai thác hợp pháp nguồn tư liệu, tài liệu chuyên môn dùng chung phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, kết nối và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo; bảo đảm khả năng tra cứu, chia sẻ và khai thác hiệu quả
5	Khả năng chuẩn hoá dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Dữ liệu do Trung tâm xây dựng, quản lý được chuẩn hóa, bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông, chia sẻ và đồng bộ với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia theo quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành
6	Khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Có khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và các hệ thống thông tin có liên quan của địa phương theo quy định hiện hành
7	Khả năng truy cập vào các thư viện số về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong và ngoài nước	Có khả năng truy cập, khai thác thường xuyên hoặc thông qua hợp tác, liên kết đối với các thư viện số, cơ sở dữ liệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và sở hữu trí tuệ trong nước, quốc tế phục vụ hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo
8	Khả năng tiếp cận hạ tầng tính toán hiệu năng cao để hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo triển khai các mô hình kinh doanh số	Có khả năng tiếp cận, kết nối hoặc khai thác hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao hoặc nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh số của tổ chức,

TT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
		doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khi có nhu cầu
9	Hạ tầng hỗ trợ làm việc từ xa (nếu có)	Khuyến khích bố trí hạ tầng hỗ trợ làm việc từ xa, họp trực tuyến, chia sẻ tài liệu và quản trị công việc trên môi trường số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và kết nối hoạt động chuyên môn
10	Các nền tảng số dùng chung đã triển khai	Có các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, vận hành và hỗ trợ hoạt động của Trung tâm như quản lý cơ sở dữ liệu, quản lý tổ chức, cá nhân tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, quản lý sự kiện, đào tạo, tư vấn hoặc các nền tảng phục vụ công tác điều hành khác phù hợp với điều kiện thực tế
11	Mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Khuyến khích ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác dữ liệu, hỗ trợ tra cứu, phân tích dữ liệu, truyền thông, kết nối hệ sinh thái và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định pháp luật
12	Hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an ninh mạng	Hệ thống thông tin của Trung tâm được xác định cấp độ an ninh mạng và phê duyệt theo quy định của pháp luật về an ninh mạng
13	Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đã được phê duyệt	Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; bảo đảm duy trì hoạt động ổn định, an toàn trong quá trình khai thác, vận hành
14	Hệ thống thông tin được triển khai giám sát an ninh mạng và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng, chống mã độc tập trung (nếu có)	Có giải pháp giám sát an ninh mạng, phòng, chống mã độc tập trung hoặc giải pháp tương đương phù hợp với quy mô, yêu cầu vận hành của hệ thống thông tin và quy định hiện hành
15	Hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an ninh mạng	Đã xây dựng và ban hành tổ chức thực hiện phương án ứng cứu, xử lý sự cố an ninh mạng; có đầu mối phối hợp và quy trình xử lý nhằm bảo đảm khả năng ứng

TT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
		phó, khắc phục sự cố kịp thời trong quá trình vận hành hệ thống thông tin

Điều 5. Bộ chỉ số về tiện ích và dịch vụ dùng chung

TT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
1	Phòng thí nghiệm dùng chung	Có phòng thí nghiệm dùng chung hoặc có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác quyền tiếp cận, sử dụng phòng thí nghiệm của trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hoặc tổ chức khác có năng lực phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Trung tâm
2	Phòng thử nghiệm dùng chung	Có phòng thử nghiệm dùng chung hoặc có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác quyền tiếp cận, sử dụng phòng thử nghiệm của các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hoặc tổ chức khác có năng lực phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Trung tâm
3	Trang thiết bị dùng chung	Có trang thiết bị dùng chung phục vụ hoạt động chuyên môn của Trung tâm, bao gồm thiết bị công nghệ thông tin, trình chiếu, hội nghị trực tuyến, trình diễn công nghệ, sản xuất nội dung số, đào tạo, tư vấn và các thiết bị cần thiết khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu hoạt động thực tế
4	Sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng đối với phòng thí nghiệm dùng chung (nếu có)	- Phòng thí nghiệm dùng chung (nếu có) bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện vận hành và quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn chuyên ngành có liên quan - Phòng thí nghiệm dùng chung (Shared Lab) chuyên sâu được định hướng lấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO/IEC 17025 để kết quả đo kiểm được công nhận toàn cầu
5	Sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng đối với Trung tâm thử nghiệm dùng chung (nếu có)	Trung tâm thử nghiệm dùng chung (nếu có) bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn

TT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
6	Trang thiết bị hỗ trợ hành chính tại Trung tâm (máy in, máy quét, máy chiếu, máy tính, màn hình, âm thanh, ...)	Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành, hội họp, đào tạo, hội nghị, hội thảo và hỗ trợ hoạt động chuyên môn của Trung tâm; bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng dùng chung hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với quy mô hoạt động
7	Trang thiết bị cần thiết để cung cấp dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư và hỗ trợ cần thiết khác	Có hoặc bảo đảm khả năng tiếp cận, khai thác trang thiết bị, công cụ, nền tảng kỹ thuật và nguồn lực cần thiết phục vụ việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc và các hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo khác theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm
8	Tiện ích phụ trợ khác (nếu có)	Khuyến khích bố trí các tiện ích phụ trợ phục vụ hoạt động của Trung tâm như không gian đào tạo chuyên đề, khu sinh hoạt cộng đồng, không gian truyền thông số, khu tiếp đón, khu làm việc với chuyên gia, nhà đầu tư, tổ chức trong nước và quốc tế cùng các tiện ích hỗ trợ khác phù hợp với điều kiện thực tế

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Hồ sơ minh chứng

1. Tổ chức đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để chứng minh mức độ đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quy định này.

2. Hồ sơ minh chứng tương ứng với từng tiêu chí được thực hiện theo Danh mục hồ sơ minh chứng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Phiếu đánh giá

Việc đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ số được thực hiện theo Phiếu đánh giá quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 8. Biên bản đánh giá thực địa

Việc kiểm tra, xác minh thực tế tại địa điểm hoạt động của Trung tâm đổi mới sáng tạo được thực hiện theo Biên bản đánh giá thực địa quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Phụ lục I

Mẫu phiếu đánh giá hạ tầng kỹ thuật Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị đề nghị công nhận:
-
2. Địa chỉ:
-
3. Người đại diện:
4. Ngày đánh giá:
5. Thành phần đoàn đánh giá:
-
-

II. BẢNG ĐÁNH GIÁ

Nhóm 1. Không gian làm việc và kết nối

TT	Tiêu chí	Mức đạt	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Diện tích làm việc cho nhân sự Trung tâm	$\geq 150 \text{ m}^2$		
2	Phòng hội thảo	$\geq 100 \text{ m}^2$		
3	Không gian tư vấn	$\geq 20 \text{ m}^2$		
4	Khu làm việc chung	≥ 15 vị trí làm việc		
5	Không gian trình diễn, trưng bày công nghệ	$\geq 50 \text{ m}^2$		

TT	Tiêu chí	Mức đạt	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
6	Không gian ươm tạo	$\geq 100 \text{ m}^2$, hỗ trợ ≥ 05 dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo		
7	Không gian phụ trợ khác	Có bố trí phù hợp		

* Tích dấu (X) vào ô tương ứng

Nhóm 2. Hạ tầng số và dữ liệu

TT	Tiêu chí	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Internet tốc độ cao $\geq 1 \text{ Gbps}$		
2	Hệ thống mạng nội bộ		
3	Lưu trữ dữ liệu $\geq 20 \text{ TB}$		
4	Có cơ sở dữ liệu chuyên gia		
5	Có cơ sở dữ liệu công nghệ		
6	Cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ liên thông		
7	Cơ sở dữ liệu tài liệu chuyên môn chuẩn hóa		
8	Chuẩn hóa dữ liệu với nền tảng quốc gia		
9	Kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng quốc gia		
10	Truy cập thư viện số trong và ngoài nước		
11	Hạ tầng tính toán hiệu năng cao		
12	Hạ tầng làm việc từ xa		
13	Nền tảng số dùng chung		
14	Ứng dụng AI trong quản lý, vận hành		
15	An toàn thông tin, an ninh mạng		

* Tích dấu (X) vào ô tương ứng đối với các chỉ số bắt buộc; các chỉ số khuyến khích tại Điều 4 của Quy định được ghi nhận riêng và không làm căn cứ xác định kết quả Đạt/Không đạt.

Nhóm 3. Tiện ích và dịch vụ dùng chung

TT	Tiêu chí	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Phòng thí nghiệm dùng chung hoặc quyền tiếp cận, sử dụng theo hợp đồng/thỏa thuận hợp tác		
2	Phòng thử nghiệm dùng chung hoặc quyền tiếp cận, sử dụng theo hợp đồng/thỏa thuận hợp tác		
3	Trang thiết bị dùng chung		
4	Tiêu chuẩn chất lượng phòng thí nghiệm		
5	Tiêu chuẩn chất lượng Trung tâm thử nghiệm		
6	Thiết bị hỗ trợ hành chính		
7	Thiết bị hỗ trợ dịch vụ đổi mới sáng tạo		
8	Tiện ích phụ trợ khác		

** Tích dấu (X) vào ô tương ứng đối với các chỉ số bắt buộc; các chỉ số khuyến khích tại Điều 5 của Quy định được ghi nhận riêng và không làm căn cứ xác định kết quả Đạt/Không đạt.*

III. KẾT QUẢ

Đạt tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật	
Chưa đạt tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật	
Đề nghị làm rõ, bổ sung tài liệu minh chứng trước khi kết luận.	

** Tích dấu (X) vào ô tương ứng*

Người thực hiện đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

Danh mục tài liệu minh chứng tương ứng với từng tiêu chí

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh mục tài liệu minh chứng

TT	Tiêu chí	Hồ sơ minh chứng
1	Diện tích làm việc	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hợp đồng thuê hoặc thoả thuận sử dụng; bản vẽ mặt bằng; ảnh hiện trạng;
2	Phòng hội thảo	Danh mục thiết bị; hình ảnh; biên bản nghiệm thu
3	Không gian tư vấn	Sơ đồ bố trí; ảnh hiện trạng
4	Khu làm việc chung	Sơ đồ mặt bằng; ảnh; danh mục bàn ghế; hợp đồng/thoả thuận hợp tác liên kết.
5	Không gian trình diễn công nghệ	Hình ảnh; sơ đồ mặt bằng; danh mục thiết bị
6	Không gian ươm tạo	Sơ đồ bố trí; ảnh hiện trạng; danh mục vị trí/chỗ làm việc hoặc tài liệu thể hiện khả năng bố trí đồng thời tối thiểu 05 dự án, nhóm khởi nghiệp hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
7	Internet tốc độ cao	Hợp đồng dịch vụ; biên bản nghiệm thu; kết quả đo tốc độ
8	Hệ thống mạng nội bộ	Sơ đồ mạng; hồ sơ kỹ thuật
9	Lưu trữ dữ liệu	Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu trữ/điện toán đám mây; cấu hình máy chủ; tài liệu thể hiện dung lượng lưu trữ khả dụng
10	Cơ sở dữ liệu chuyên gia	Danh sách chuyên gia; phần mềm quản lý
11	Cơ sở dữ liệu công nghệ	Danh mục công nghệ; hệ thống tra cứu
12	Cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ	Hệ thống liên kết; tài khoản khai thác
13	Chuẩn hóa và liên thông dữ liệu	Biên bản kết nối; tài liệu kỹ thuật
14	Truy cập thư viện số	Hợp đồng thuê bao; tài khoản truy cập

TT	Tiêu chí	Hồ sơ minh chứng
15	Hạ tầng điện toán hiệu năng cao	Hợp đồng sử dụng; thỏa thuận hợp tác
16	Làm việc từ xa	Hệ thống họp trực tuyến; VPN
17	Nền tảng số dùng chung	Quyết định triển khai; tài liệu hướng dẫn
18	Ứng dụng AI	Báo cáo triển khai; hợp đồng phần mềm
19	An ninh mạng	Hồ sơ cấp độ an ninh mạng; phương án bảo đảm an ninh mạng; nhật ký giám sát
20	Phòng thí nghiệm dùng chung	Danh mục thiết bị, hồ sơ quản lý hoặc hợp đồng/thỏa thuận hợp tác bảo đảm quyền tiếp cận, sử dụng.
21	Phòng thử nghiệm dùng chung	Danh mục thiết bị, hồ sơ quản lý hoặc hợp đồng/thỏa thuận hợp tác bảo đảm quyền tiếp cận, sử dụng.
22	Chứng nhận ISO/IEC 17025	Giấy chứng nhận còn hiệu lực
23	Trang thiết bị dùng chung	Danh mục tài sản; hóa đơn; biên bản bàn giao
24	Thiết bị hỗ trợ hành chính	Danh mục tài sản
25	Thiết bị hỗ trợ dịch vụ đổi mới sáng tạo	Danh mục thiết bị; hình ảnh
26	Tiện ích phụ trợ khác	Hồ sơ liên quan

Phụ lục III

Mẫu biên bản đánh giá thực địa hạ tầng kỹ thuật Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ THỰC ĐỊA

Hôm nay, ngày tháng năm, Đoàn đánh giá tiến hành kiểm tra thực địa tại:

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ:
- Đại diện đơn vị:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Không gian làm việc và kết nối

Nội dung	Theo hồ sơ	Thực tế	Đạt/Không đạt
Diện tích làm việc			
Phòng hội thảo			
Không gian tư vấn			
Khu làm việc chung			
Không gian trình diễn			
Không gian ươm tạo			

* Tích dấu (X) vào ô tương ứng

2. Hạ tầng số và dữ liệu

Nội dung	Theo hồ sơ	Thực tế	Đạt/Không đạt
Internet			
Máy chủ/lưu trữ			
Cơ sở dữ liệu chuyên gia			
Cơ sở dữ liệu công nghệ			
Kết nối dữ liệu			
An ninh mạng			

* Tích dấu (X) vào ô tương ứng

3. Tiện ích và dịch vụ dùng chung

Nội dung	Theo hồ sơ	Thực tế	Đạt/Không đạt
Phòng thí nghiệm			
Phòng thử nghiệm			

Nội dung	Theo hồ sơ	Thực tế	Đạt/Không đạt
Trang thiết bị dùng chung			
Thiết bị hành chính			
Thiết bị hỗ trợ đổi mới sáng tạo			

* Tích dấu (X) vào ô tương ứng

II. NHẬN XÉT CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

.....

III. KẾT LUẬN

* Tích dấu (X) vào ô tương ứng

☐ Thông tin, hiện trạng thực tế phù hợp với tài liệu minh chứng.

☐ Có nội dung cần làm rõ, bổ sung tài liệu minh chứng.

☐ Có nội dung thực tế không phù hợp với tài liệu minh chứng.

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)